

Ý NGHĨA CỦA TƯ TƯỞNG ĐỔI MỚI TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN LÝ LUẬN VỀ ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

NGUYỄN HÙNG HẬU^(*)

Ngày nhận bài: 02/01/2024 Ngày thẩm định: 09/01/2024 Ngày duyệt đăng: 20/02/2024

Tóm tắt: Lý luận về đường lối đổi mới là sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; một mặt, là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện cụ thể của Việt Nam; mặt khác, là sự kế thừa tinh hoa của những cuộc cải cách, canh tân, đổi mới trong lịch sử dân tộc và nâng lên tầm cao mới. Các cuộc đổi mới trong lịch sử dân tộc đều xuất phát từ đổi mới tư duy, cách nghĩ, đổi mới phương thức lãnh đạo của giai cấp cầm quyền vì cuộc sống của người dân... Trong bài, tác giả chủ yếu phân tích ý nghĩa của những tư tưởng đổi mới trong lịch sử dân tộc đối với việc xây dựng, hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ khóa: ý nghĩa tư tưởng đổi mới; lịch sử dân tộc; đường lối đổi mới

Trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc Việt Nam, để tồn tại và phát triển, cha ông ta đã thực hiện nhiều cuộc cải cách, canh tân, đổi mới, tiêu biểu là cải cách của họ Khúc ở thế kỷ X, đổi mới của Lý Công Uẩn thế kỷ XI, Trần Thủ Độ thế kỷ XIII, Hồ Quý Ly thế kỷ XV, Lê Thánh Tông thế kỷ XV, Trịnh Cương ở Đàng Ngoài thế kỷ XVII, Đào Duy Từ ở Đàng Trong thế kỷ XVII, vua Quang Trung thế kỷ XVIII, vua Minh Mệnh thế kỷ XIX, Nguyễn Trường Tộ thế kỷ XIX, Phan Châu Trinh thế kỷ XX. Nội dung các cuộc đổi mới này đã được nhiều công trình đề cập đến, nên bài viết này chủ yếu tập trung phân tích ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng, hoàn thiện đường lối đổi mới hiện nay.

1. Các cuộc đổi mới trong lịch sử đều có điểm xuất phát chung là phải đổi mới tư duy, cách nghĩ, cách nhìn (tâm nhìn). Nguyễn Trường Tộ là một nhà cải cách đi từ đổi mới tư duy đến đổi mới hành động. Lê Thánh Tông, Quang

Trung, Trần Thủ Độ, Minh Mệnh,... đều là những nhà chiến lược tài năng với tầm tư duy vượt thời đại, mới mẻ, không ngại thử thách. Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc xây dựng đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng chủ trương đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, nhằm xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, mở đường cho sản xuất phát triển. Tư duy suy cho cùng là phản ánh hiện thực khách quan, thực tiễn cuộc sống, song thực tiễn cuộc sống luôn thay đổi. Vì vậy, để phản ánh đúng đắn thì tư duy phải luôn thay đổi, đổi mới. Kể từ Đại hội lần thứ VI của Đảng (năm 1986), cho đến các kỳ đại hội sau này, Đảng luôn chú trọng đề cao đổi mới tư duy. Gần đây nhất, tại Đại hội lần thứ XIII của Đảng (năm 2021), để thực hiện mục tiêu đã đề ra, trong mười hai định hướng chiến lược, định hướng đầu tiên là phải tiếp tục đổi mới tư duy.

2. Đối với các cuộc đổi mới trong lịch sử dân tộc thì người đứng đầu, đặc biệt là phương thức lãnh đạo của giai cấp cầm quyền giữ vai trò vô cùng quan trọng, liên quan đến sự tồn vong

^(*) GS, TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

của nhà nước, chế độ. Lê Thánh Tông, Quang Trung, Trần Thủ Độ, Minh Mệnh, Nguyễn Trường Tộ... đều nhìn ra điều đó và luôn đổi mới phương thức cầm quyền của giai cấp lãnh đạo. Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc hoàn thiện đường lối đổi mới của Đảng, thể hiện ở việc Đảng luôn xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trên các mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức, cán bộ, kiểm tra, giám sát, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, đổi mới phương thức lãnh đạo, thắt chặt mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng chỉ rõ: công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải được triển khai quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, thường xuyên, hiệu quả;... nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; xây dựng Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; hoàn thiện cơ chế kiểm soát chặt chẽ quyền lực; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Công tác cán bộ phải thực sự là “then chốt của then chốt”, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược và người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên theo phương châm chức vụ càng cao càng phải gương mẫu.

3. Tất cả các cuộc đổi mới trong lịch sử đều nhằm khắc phục khủng hoảng, mang lại sự ổn định cho xã hội, cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho người dân. Xét đến cùng, đổi mới là vì cuộc sống của người dân. Vua Minh Mệnh cho rằng: “dân là gốc nước”, bởi vậy phải “yêu cái dân yêu và ghét cái dân ghét”; “người làm chính trị không thể trái ý muốn của dân”. Theo ông, mặc áo gấm, ăn ngon nhưng dân đói kém thì vui vẻ nổi gì; giặc giã không lo bằng dân đói kém. Từ đó, ông yêu cầu các quan lại phải thực sự và thường xuyên chăm lo cho dân, phải sửa mình hỏi lỗi từ những công việc hằng ngày, phải hết

lòng với chức vụ được giao, không nên dùng những lời suông sáo rỗng. Ông nghiêm khắc trừng trị những tên tham quan, sách nhiễu dân; vì tha cho một kẻ thì kẻ khác sẽ coi thường pháp luật. “Quan lại tham nhũng là giặc sâu mọt của dân mà trộm cướp nổi lên cũng vì đó vậy”, “Đẹp kẻ ác để yên dân là việc trước mắt của chính trị”⁽¹⁾. Mục đích và trách nhiệm của bộ máy nhà nước là phải làm cho dân no ấm và yên ổn. Như vậy, đổi mới, canh tân, cải cách phải từ con người và vì con người, mục tiêu hướng tới là bảo đảm sự vững bền của triều đại, nâng cao đời sống nhân dân, sự bình an, hạnh phúc cho mọi người.

Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc xây dựng, hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới để Đảng kế thừa những tư tưởng tích cực của cha ông, từ đó đưa ra chủ trương, “trong mọi công việc phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm “dân là gốc”; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu”⁽²⁾. Từ các cuộc cải cách trong lịch sử đều tập trung vào xây dựng đội ngũ quan lại hộ quốc an dân, Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã chỉ rõ: “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước”⁽³⁾.

4. Nội dung thực hiện các cuộc đổi mới trong lịch sử là tăng cường kiểm tra, giám sát, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Triều vua Lê Thánh Tông và vua Minh Mệnh sau này, việc kiểm tra, giám sát quan lại được tổ chức rất thường xuyên và linh hoạt. Bộ máy kiểm tra, giám sát thường xuyên do các cơ quan chức năng, như Ngự sử đài, Đô sát viện, Bộ hình, Lục tự thực hiện.

Khi một địa phương nào đó có tham nhũng hay những “vấn đề nóng”, Vua sẽ cử ngay những đoàn “Kinh lược đại sứ” của triều đình đến để xem xét, giải quyết. Dẫn đầu các đoàn “Kinh lược đại sứ” này đều là những người có uy tín, công minh và nghiêm khắc, không chỉ kiểm tra, giám sát từ “bên ngoài”, mà còn có nhiều giải pháp kiểm tra, giám sát từ “bên trong”. Vua Lê Thánh Tông từng nói với các quan đại thần trong triều: Làm quan mà tham nhũng thì dân ai oán, đem khí dữ trái khí hoà, mỗi tộ này phải kiên quyết loại bỏ⁽⁴⁾. Dưới triều Vua Lê Thánh Tông, cơ chế kiểm tra, giám sát quan lại được chia làm hai nhóm: cơ chế tự kiểm tra, giám sát quan lại của mỗi hệ thống và cơ chế kiểm tra, giám sát quan lại từ bên ngoài hệ thống. Việc kiểm tra, giám sát phải bảo đảm tính độc lập cao, khách quan, uy quyền thực sự cho các quan ngự sử, giúp họ đánh giá, xét xử quan lại khách quan, đúng với công, tội. Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với xây dựng, hoàn thiện lý luận về việc tăng cường kiểm tra, giám sát, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng của Đảng hiện nay.

Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng, trong mục xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, nội dung thứ bảy tiếp tục nhấn mạnh việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng. Thông qua công tác kiểm tra để kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý những vướng mắc hoặc sai sót trong thực hiện nhiệm vụ được giao, loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo để bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức, “kiểm soát tham nhũng tại các cơ quan, đơn vị”, đặc biệt là tham nhũng trong lĩnh vực đất đai.

5. Trong lịch sử dân tộc, đặc biệt là các cuộc đổi mới trước kia đã xuất hiện việc đề cao người dám nói thẳng, nói thật, công tâm, khách quan vì công việc chung của dân tộc, đất nước. Đại Việt sử ký toàn thư có chép, vua Trần Thái Tông lấy được thiên hạ đều

nhờ vào công sức của Trần Thủ Độ. Bấy giờ có kẻ vào gặp vua Trần Thái Tông, khóc mà nói rằng: “Bệ hạ còn thơ ấu mà Thủ Độ thì quyền át cả vua, xã tắc rồi sẽ ra sao?” vua Trần Thái Tông lập tức lệnh xe ngự đến dinh Thủ Độ, bắt cả người này đem theo và kể hết những lời người ấy nói cho Thủ Độ biết. Thủ Độ trả lời rằng: “Quả có đúng như những lời hần nói”. Xong, đem tiền lụa mà thưởng cho. Một câu chuyện khác liên quan đến việc giữ và đề cao pháp luật. Linh Từ quốc mẫu, vợ Trần Thủ Độ, có lần ngồi kiệu đi qua thềm cấm, bị quân hiệu ngăn lại, về dinh khóc kể với Thủ Độ rằng: “Mụ này làm vợ ông mà bị bọn quân hiệu khinh nhờn đến thế ư?”. Thủ Độ tức giận liền sai người đi bắt người quân hiệu kia. Người quân hiệu ấy nghĩ rằng mình chắc là phải chết. Đến nơi, Thủ Độ vặn hỏi trước mặt Linh Từ, người quân hiệu ấy cứ theo sự thực mà trả lời. Thủ Độ nói: “Người ở chức thấp mà giữ được luật pháp, ta còn trách gì được nữa.” Nói xong, đem vàng lụa thưởng cho. Thủ Độ đã gác việc riêng, tất cả vì việc chung. Có lần Thủ Độ đi duyệt định hộ khẩu, bà Quốc Mẫu xin riêng cho một người được làm chức Câu đương, Thủ Độ gật đầu rồi ghi rõ họ tên quê quán người đó. Khi xét duyệt đến xã ấy, liền hỏi tên họ ở đâu, người đó mừng rỡ chạy đến. Thủ Độ bảo hần: “Người vì có Công chúa xin cho được làm Câu đương, không thể ví như những Câu đương khác được, phải chặt một ngón chân để phân biệt với người khác!” Người đó van xin mãi mới tha cho. Từ đó, không ai dám đến thăm Thủ Độ vì việc riêng nữa.

Kế thừa tinh hoa đó, ngay khi bắt đầu công cuộc đổi mới, tại Đại hội lần thứ VI (năm 1986), Đảng đã chủ trương nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật. Chủ trương này được nhất quán xuyên suốt ở tất cả các kỳ đại hội sau. Tại Đại hội lần thứ XIII, Đảng chủ trương khuyến khích những người dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám hành động vì lợi ích chung.

6. Vua Lê Thánh Tông thực hiện chế độ “hồi tỵ”, với mục đích đề phòng quan lại gây bè, kéo cánh, đem tình cảm riêng câu kết với nhau để thực hiện hành vi tham nhũng, vi phạm pháp luật. Trong Bộ luật Hồng Đức, triều đình quy định những điều khoản phải “hồi tỵ”: cha con, thầy trò, anh em, vợ chồng, thông gia,... không được làm quan cùng một chỗ, không được tổ chức thi cùng một nơi. Để chế độ “hồi tỵ” được thực hiện nghiêm chỉnh, vua Minh Mệnh còn đặt ra nhiều quy định cụ thể để răn đe, xử phạt những quan lại vi phạm các quy định của chế độ này. Những quy định trong chế độ “hồi tỵ” được áp dụng rất cụ thể từ đối tượng, phạm vi rộng đến chế tài áp dụng nghiêm khắc đã góp phần làm cho bộ máy nhà nước được củng cố, tránh được tình trạng cục bộ, bè phái, câu kết trong vấn đề tuyển dụng, khen thưởng, đề bạt, tham nhũng. Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc xây dựng, hoàn thiện đường lối đổi mới của Đảng hiện nay. Theo nhận định khách quan, những năm đầu của công cuộc đổi mới, chúng ta chưa thật chú ý đến vấn đề này, nhưng đến hiện nay, chúng ta đang triển khai quyết liệt chủ trương này của cha ông và đã đem lại hiệu quả tích cực.

7. Vấn đề dùng người và sử dụng hiền tài trong lịch sử có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc xây dựng, hoàn thiện đường lối đổi mới của Đảng hiện nay. Nhìn lại lịch sử, vua Lê Thánh Tông đã đưa ra chủ trương tuyển chọn những người có đức, có tài và đã lựa chọn được những quan lại hiền tài, tránh được căn bệnh “chạy chức, chạy quyền”, “mua quan, bán tước”. Để không bỏ sót nhân tài, nhà vua quy định: “Lục bộ, lục khoa, ngự sử đài mà tiến cử bậy thì chịu tội giáng hay bãi chức, nếu tiến cử được người giỏi thì nhất định sẽ được khen thưởng”. Vua Quang Trung xuống chiếu cầu hiền tài. Vua Minh Mệnh cho rằng, người hiền tài là trụ cột của quốc gia, bởi vậy, quốc gia quý người hiền tài trên hết, hơn cả ngọc ngà châu báu. Vì vậy, trong 21 năm làm vua, ông đã bốn lần hạ chiếu cầu người hiền tài và năm nào cũng đề nghị các quan tiến cử. Trong

việc cất nhắc, tiến cử phải chí công vô tư, công bằng, công khai đem ra bàn định trong triều, gạt bỏ mọi quen biết riêng tư. Ông có dụ: “Vi nước tiến người hiền, chỉ cần biết cho đích xác, không nể người thân, không tránh kẻ thù, người không yêu cũng lấy, kẻ không ghét cũng bỏ”⁽⁵⁾.

Không chỉ tuyển chọn người tài, mà cách dùng người của cha ông ta đến nay vẫn còn nguyên ý nghĩa. Vua Minh Mệnh cho rằng, vua phải mở lòng dung nạp, nhờ đó mà tài trí thiên hạ đều là tài trí của mình; đồng thời phải gạt bỏ những lời tâng bốc xu nịnh, lựa lời đón ý. Thường tình người ta chỉ biết đầy đủ một mình, còn người khác vui buồn thì không quan tâm đến chút nào. Thế cho nên tự quên lỗi của mình mà chỉ chăm chăm trách người. Phàm người làm vua, giàu có bốn biển, nếu chỉ cầu cái thích của mình thì lo gì chả được. Phàm mình ở cảnh yên vui, hãy nghĩ đến cảnh người ta khó nhọc, mà biết điều vui không nên cùng cực, lòng muốn không nên phóng túng, thì có thể khiến người ta không oán mà mình được yên vui lâu dài. Vua căn dặn, nếu có lợi cho dân thì cứ tự ý làm, không có tội⁽⁶⁾. Theo Ông, dùng người như thợ giỏi dùng gỗ, không nên vì mục mất một chỗ mà bỏ mất cây gỗ to vừa người ôm, đánh giá cất nhắc người phải xem lời nói, việc làm, không nên vì tình riêng.

Bài học tuyển chọn hiền tài, cách dùng người của cha ông ta trong lịch sử có ý nghĩa vô cùng to lớn mang tính thời sự trong xây dựng, hoàn thiện lý luận đổi mới của Đảng hiện nay. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng chỉ ra, phải tạo bước chuyển biến căn bản, mạnh mẽ, toàn diện về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ người tài, phải có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, lựa chọn, đào tạo nhân tài. Nhân tài là nguyên khí của quốc gia, thiếu nhân tài thì đất nước không thể phát triển nhanh, bền vững. Vậy, hiện nay, chúng ta đã có những cơ chế đột phá nào để thu hút, trọng dụng, lựa chọn, đào tạo nhân tài? Văn kiện đã chỉ rõ, chúng ta “chưa tạo được môi trường thuận lợi

(xem tiếp trang 75)